ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:781/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày20 tháng 03năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ

sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 13/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Kiểm lâm, lĩnh vực Trồng trọt nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi và trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bải bỏ lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Nguyễn Thanh Nhàn

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

PHẦN I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (38 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**		
1	1.007917	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 20/02/2024
2	1.007916	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 20/02/2024
3	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 22/5/2024
4	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
5	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
6	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, hoặc rừng sản xuất huộc địa phương quản lý	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
7	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
II	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM**		
1	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
2	1.012688	Quyết định giao rừng cho tổ chức	Quyết định số

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
			2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
3	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
4	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
5	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
6	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
7	3.000152	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
III	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**		
1	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
2	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
3	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
4	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
5	1.000679	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
6	1.000643	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
7	1.000625	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
8	1.000596	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 27/5/2024
9	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính.	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 11/3/2025
IV	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**		
1	1. 012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
2	1. 012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
3	1. 012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
V	**LĨNH VỰC THÚ Y**		
1	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
VI	**LĨNH VỰC THỦY SẢN**		
1	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
2	1.004915	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
3	1.004913	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu).	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
4	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Quyết định số 1194/QĐ-UBND

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
			ngày 15/5/2024
5	1.004697	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
6	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
7	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 6 hải lý).	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
8	1.004359	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
9	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024
10	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Quyết định số 1272QĐ-UBND ngày 22/5/2024
VII	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**		
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 13/01/2025

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN (09 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**		
1	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 22/5/2024

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
2	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
3	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
II	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM**		
1	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
2	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
III	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**		
1	1.012849	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
IV	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**		
1	1. 012836	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
2	1. 012837	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024
V	**LĨNH VỰC THỦY SẢN**		
1	1.004478	Công bố mở cảng cá loại 3	Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 15/5/2024

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ (02 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I	**LĨNH VỰC KIỂM LÂM**		
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024
II.	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**		
1	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Quyết định số 3062/QĐ-UBND ngày 21/11/2024